

# **ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH VÀ HOẠT ĐỘNG THẨM TRA CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<sup>1</sup>**

## **1. Thực trạng thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố**

### ***1.1. Tính hợp lý và khả thi của quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân***

Hiện nay, việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có hai tình huống trên thực tế: thứ nhất, ban hành văn bản mới; thứ hai, ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản hiện hành. Theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, ngay sau khi có căn cứ pháp lý mới phát sinh liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành thì cơ quan chủ trì soạn thảo phải kịp thời thực hiện rà soát văn bản đó để trình cấp có thẩm quyền thống nhất hình thức xử lý đối với văn bản quy phạm pháp luật do mình tham mưu ban hành. Trên cơ sở ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân về hình thức xử lý văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Như vậy, đối với trường hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xử lý các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thì phải thực hiện thủ tục rà soát đề xuất hình thức xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ). Khi đó, ý kiến của cấp có thẩm quyền thống nhất về hình thức xử lý văn bản cũng được coi như hình thức thống nhất với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trong trường hợp này, việc phải tiếp tục thực hiện thêm thủ tục lập, trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là trùng lặp và không cần thiết. Việc lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chỉ phù hợp với tình huống xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mà trước đó địa phương chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về vấn đề này (tức là trường hợp ban hành văn bản mới).

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban

---

<sup>1</sup> *Tham luận của Ban Pháp chế HĐND thành phố Đà Nẵng.*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình. Khoản 3 Điều 111 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020) quy định: “*Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này thì trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân phải thực hiện theo quy định từ Điều 112 đến Điều 116 của Luật này*”. Tuy nhiên, quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết từ Điều 112 đến Điều 116 chỉ áp dụng được đối với trường hợp nghị quyết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình. Điều này có nghĩa là việc lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình chưa có quy định cụ thể quy trình trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### ***1.2. Đánh giá tính hợp lý của các bước trong quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân***

Tính đến thời điểm hiện nay, việc thực hiện trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trình, trước khi trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng, cơ quan lập đề nghị đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức lấy ý kiến góp ý và gửi Sở Tư pháp thẩm định theo đúng quy định. Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, các cơ quan, tổ chức có liên quan với nhiều hình thức phù hợp; các đề nghị xây dựng nghị quyết quy định chính sách có tác động lớn cũng được gửi lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong việc thực hiện công tác lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, cũng như các vướng mắc trong quy định liên quan đến việc lập đề nghị xây dựng nghị quyết, cụ thể là:

- Trong thời gian qua, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để quy định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh tại thành phố và các chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, ngay

từ quá trình tham mưu lập đề nghị xây dựng văn bản, cơ quan lập đề nghị vẫn chưa đánh giá kỹ nhu cầu của đối tượng thụ hưởng, chưa đánh giá được tính thiết thực của chính sách nên một số chính sách khi được thông qua không thể triển khai trên thực tế, không đảm bảo tính khả thi. Những chính sách mà thành phố dành cho doanh nghiệp lại không thực sự hấp dẫn đối với doanh nghiệp.

- Việc đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh còn nhiều hạn chế. Theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, việc đánh giá tác động của chính sách phải được đánh giá trên các phương diện gồm: tác động về kinh tế (lợi ích và chi phí), tác động xã hội, tác động về giới, tác động về thủ tục hành chính (nếu có) và tác động đối với hệ thống pháp luật. Đây là một trong những nội dung hết sức quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng, tính khả thi và là cơ sở để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc ban hành văn bản. Tuy nhiên, do đây là nội dung phức tạp nên các cơ quan tham mưu còn lúng túng trong việc đánh giá tác động của chính sách. Hiện nay, vẫn còn tình trạng cơ quan lập đề nghị chưa thực hiện đúng mẫu Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; nội dung đánh giá còn sơ sài, chưa đầy đủ, còn chung chung, thiếu cụ thể, thiếu số liệu chứng minh; nội dung đánh giá đa phần theo phương pháp định tính, ít có chính sách tính toán được chính xác chi phí, lợi ích theo từng năm, theo giai đoạn, chưa làm rõ được sự cần thiết ban hành văn bản, hoặc chưa làm nổi bật được những chi phí phải bỏ ra so với lợi ích mà mỗi chính sách mang lại. Thời gian qua, có không ít văn bản vì cần trình sớm, gấp mà thời gian dành cho đánh giá tác động của chính sách quá ngắn, một số loại tác động không được đánh giá kỹ lưỡng. Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng cho thấy vẫn còn nhiều hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố có đánh giá tác động của chính sách chưa đạt yêu cầu, Sở Tư pháp phải hướng dẫn cũng như yêu cầu cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết đánh giá lại.

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP quy định tác động của chính sách phải được đánh giá theo các loại sau: kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật. Việc đánh giá tác động của chính sách theo các loại nêu trên là nội dung quan trọng nhất của báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản chính thức nào của Trung ương hướng dẫn cụ thể về các tiêu chí để đánh giá đối với tác động kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật (trừ việc đánh giá thủ tục hành chính đã được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP hướng dẫn việc đánh giá tác động

của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật). Do đó, các cơ quan được giao lập đề nghị xây dựng nghị quyết trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vẫn còn lúng túng trong việc đánh giá tác động của chính sách đối với các nội dung đánh giá về kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật.

- Theo quy định tại Điều 113 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Tuy nhiên, đối với cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến đề nghị xây dựng nghị quyết thì thời gian để nghiên cứu, tham gia ý kiến tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

Hiện nay, tại thành phố Đà Nẵng, việc tham gia ý kiến của người dân trên Cổng thông tin điện tử thành phố đối với hồ sơ đề nghị xây dựng, hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa hiệu quả, chưa nhận được sự quan tâm của Nhân dân; việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của chính sách (thường là doanh nghiệp) thông qua hình thức khảo sát, hội thảo, hội nghị cũng ít khi được thực hiện (lý do xuất phát từ việc thiếu nhân lực, kinh phí). Do đó, hiện nay, công tác tổ chức lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng thường tập trung vào hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các hội, đoàn thể, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Trong khi đó, các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng thường là các chính sách đặc thù, có phạm vi, đối tượng điều chỉnh rộng, mức chi hỗ trợ lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến việc cân đối ngân sách của thành phố nên cần phải đánh giá kỹ lưỡng về tác động kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật và thủ tục hành chính. Do đó, nếu Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ giới hạn thời gian tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức nêu trên trong 10 ngày (không tính theo ngày làm việc) thì khó đảm bảo chất lượng góp ý đối với chính sách vì các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến chỉ góp ý mang tính hình thức hoặc không tham gia góp ý, từ đó ảnh hưởng đến việc đánh giá tính khả thi, hiệu quả của chính sách.

- Hiện nay, việc chỉnh lý, trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại tình trạng đề nghị xây

dựng văn bản đã được Sở Tư pháp thành phố thẩm định nhưng trong quá trình chỉnh lý có sự chỉnh sửa, thay đổi nội dung đề nghị, sau đó lại đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại. Điều này dẫn đến việc Sở Tư pháp phải thẩm định lại nhiều lần đối với cùng một đề nghị xây dựng văn bản, kéo dài thời gian xây dựng, ban hành văn bản, trong khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không quy định về việc thẩm định lại.

## **2. Hoạt động thẩm tra của các Ban HĐND**

Để các nghị quyết QPPL của HĐND đảm bảo chất lượng, hiệu quả, các chính sách thực sự đi vào cuộc sống thì việc thẩm tra là rất quan trọng. Vì vậy, trước mỗi kỳ họp, các Ban HĐND thành phố đã bám sát sự chỉ đạo của Đảng đoàn HĐND thành phố, phân công của Thường trực HĐND thành phố về các nội dung dự kiến trình kỳ họp để chủ động khảo sát, thu thập, nghiên cứu tài liệu phục vụ công tác thẩm tra, nhất là các nghị quyết QPPL do các đơn vị trình tại kỳ họp. Chủ động phối hợp với UBND, Ủy ban MTTQVN cùng cấp và các ngành trong việc tham gia ý kiến với cơ quan ngay trong quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết QPPL. Tổ chức hội nghị thẩm tra đúng quy định, báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND thành phố cơ bản chặt chẽ về cơ sở pháp lý, về thẩm quyền và trình tự ban hành VBQPPL, là cơ sở quan trọng để các đại biểu quyết định tại kỳ họp.

Tuy nhiên, qua đánh giá nhận thấy hoạt động thẩm tra của các Ban HĐND vẫn còn tồn tại khó khăn, hạn chế, cụ thể là:

- Đối với hồ sơ trình ban hành Nghị quyết QPPL của UBND thành phố gửi trình tại Kỳ họp hầu hết đều chưa đảm bảo thời gian quy định, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ khảo sát, thu thập, nghiên cứu tài liệu đối với các Nghị quyết QPPL do các Ban của HĐND thành phố thẩm tra.

- Đa số báo cáo thẩm tra đều do đại biểu chuyên trách là lãnh đạo các Ban được phân công soạn thảo, các đại biểu không chuyên trách có chuyên môn chuyên sâu trong lĩnh vực này không đồng đều, do đó, việc lấy ý kiến góp ý phục vụ báo cáo thẩm tra tính phản biện chưa cao.

## **3. Thực trạng thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật**

***3.1. Đánh giá việc thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố***

- Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh đều có thể trình nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, thực tế tại thành phố Đà Nẵng, phần lớn các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố ban hành trong thời gian qua đều do Ủy ban nhân dân thành phố trình. Đối với văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), các cơ quan chuyên môn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình dự thảo. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ có các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố. Tại các sở, ban, ngành, việc tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu được giao cho các phòng chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý mà văn bản đó điều chỉnh trực tiếp tổ chức xây dựng mà ít khi thành lập ban soạn thảo hoặc tổ soạn thảo văn bản.

- Trong thời gian qua, công tác soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra, trình văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

+ Chất lượng của một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa cao, nội dung xây dựng trong dự thảo không đảm bảo chất lượng, còn gây ra nhiều ý kiến trái chiều; một số văn bản còn tồn tại tình trạng sao chép lại quy định tại các văn bản của cơ quan Trung ương dẫn đến vi phạm nguyên tắc “không quy định chung chung, không quy định lại nội dung đã quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác” quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;... Đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa đạt yêu cầu, quá trình thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản mất nhiều thời gian để nghiên cứu, tham gia ý kiến. Một số văn bản sau khi thẩm định, thẩm tra không đủ điều kiện để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành dẫn đến việc liên tục chỉnh lý cả về nội dung và thể thức, kỹ thuật trình bày, ảnh hưởng tới tiến độ ban hành văn bản.

+ Nhìn chung, việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về cơ bản đã được thực hiện tốt, bảo đảm theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo không tiếp thu nhưng không đưa ra ý kiến giải trình cụ thể. Đối với các trường hợp này, trong quá trình thẩm định, Sở Tư pháp

thành phố Đà Nẵng đều yêu cầu bổ sung nội dung giải trình đề cấp có thẩm quyền có cơ sở đánh giá, xem xét.

+ Trong nhiều trường hợp, do yêu cầu ban hành văn bản quy phạm pháp luật gấp (nhất là trước các kỳ họp Hội đồng nhân dân) nên công tác góp ý, thẩm định phải rút ngắn thời gian thực hiện, làm ảnh hưởng nhất định đến chất lượng góp ý, thẩm định.

+ Hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố vẫn còn tình trạng tập trung vào thời điểm sát kỳ họp (do cơ quan chủ trì soạn thảo chưa chủ động chuẩn bị hồ sơ theo thời gian quy định), gây ra áp lực lớn về tiến độ cho cơ quan thẩm định, cơ quan thẩm tra, cũng như hạn chế thời gian nghiên cứu, xem xét hồ sơ của đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Mặc dù Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) đã quy định cụ thể mức chi và nội dung chi cho công tác đánh giá tác động chính sách, đánh giá thủ tục hành chính, lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập về hồ sơ đề nghị xây dựng, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, định mức phân bổ kinh phí cho các hoạt động nêu trên còn tương đối thấp so với yêu cầu thực tế. Do đó, việc đánh giá tác động chính sách hiện nay được thực hiện còn sơ sài (nhất là đối với các chính sách có quy mô lớn do không đủ kinh phí để tổ chức hội thảo góp ý, mức chi trả cho công tác khảo sát, thu thập số liệu cũng hạn chế); việc thuê chuyên gia góp ý, phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cũng rất ít khi được thực hiện, mức chi trả không cao nên khó thu hút đối tượng này tham gia trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Đối với công tác thẩm định đề nghị xây dựng, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khoản 3 Điều 115, khoản 4 Điều 121, khoản 4 Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020) quy định thời hạn thẩm định đề nghị xây dựng, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đơn vị tính là “ngày”. Tuy nhiên, trên thực tế, tại một thời điểm Sở Tư pháp có thể phải thực

hiện thẩm định nhiều đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và trong thời gian “15 ngày”, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định. Do đó, việc quy định thời hạn thẩm định theo đơn vị tính là “ngày” thay vì “ngày làm việc” là chưa phù hợp; việc hạn chế thời gian thẩm định có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng của công tác này trên thực tế.

### ***3.2. Đánh giá việc thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện***

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ được ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp được luật giao. Tuy nhiên, trên thực tế các văn bản luật chỉ giao cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà ít khi giao cho cấp huyện, cấp xã. Hiện nay, nước ta đang thực hiện đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền các cấp nhưng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 lại giới hạn thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện dẫn đến chính quyền quận, huyện luôn bị động thực hiện theo quy định của cấp trên mà không thể chủ động ban hành và thực hiện các chủ trương, biện pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Khắc phục tình trạng này, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 đã mở rộng quy định về thẩm quyền xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện; theo đó, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao, hoặc để thực hiện việc phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước cấp dưới theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Như vậy, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã sửa đổi theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại cấp huyện, trao quyền chủ động cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc giải quyết các vấn đề mang tính cấp bách, đặc thù trên địa bàn.

Mặc dù Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã có cơ chế cho chính quyền quận, huyện ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện việc phân cấp, nhưng do đặc thù thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và xuất phát từ yêu cầu quản lý thực tế của các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nên từ ngày 01/01/2021 đến nay, chỉ có Ủy ban nhân dân các quận, huyện có ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhưng chỉ tập trung vào bãi bỏ



các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các quận, huyện không còn phù hợp.

- Việc Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định các bước thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện và cấp xã đơn giản, ít bước hơn các cấp trên là phù hợp với điều kiện nguồn lực của cấp huyện, cấp xã. Nội dung quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về công tác soạn thảo, lấy ý kiến góp ý, thẩm định, thẩm tra là phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay, Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng không có cơ quan hay cán bộ chuyên trách về soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật nên kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế.